

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ - MỘT CÁCH HỌC LỊCH SỬ (THÔNG QUA NGHIÊN CỨU 6 BỘ TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ CỦA PHÙNG VĂN KHAI)

Hòa Diệu Thúy¹

TÓM TẮT

Ngoài cách đọc chính sử, các thế hệ sau có thể tiếp cận lịch sử bằng con đường của văn chương. Tiểu thuyết lịch sử là một cách hình dung về lịch sử. Qua ngôn ngữ tiểu thuyết, lịch sử được tái hiện gắn với trạng thái đời sống sinh động nên vô cùng cuốn hút, hấp dẫn. Đọc và học lịch sử thông qua tiểu thuyết, phải chăng là cách hữu hiệu để lịch sử đến với mỗi người không chỉ bằng lý trí mà còn bằng cảm xúc. Khảo sát tiểu thuyết lịch sử của Phùng Văn Khai, bài viết muốn khẳng định và cổ vũ cho hướng tiếp cận hiệu quả này.

Từ khóa: *Tiểu thuyết lịch sử, học lịch sử, nhà văn Phùng Văn Khai.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiểu thuyết lịch sử là một cách hình dung về lịch sử, qua ngôn ngữ tiểu thuyết, lịch sử được tái hiện gắn với trạng thái đời sống sinh động nên vô cùng cuốn hút, hấp dẫn. Đọc và học lịch sử thông qua tiểu thuyết, phải chăng là cách hữu hiệu để lịch sử đến với mỗi người không chỉ bằng lý trí mà còn bằng cảm xúc. Viết truyện lịch sử đang trở thành trào lưu mạnh mẽ những năm gần đây ở Việt Nam. Lịch sử dân tộc bốn ngàn năm hào hùng là nguồn cảm hứng mãnh liệt và là kho dữ liệu vô giá với các nhà tiểu thuyết. Nhiều cây bút đã thành công ở thể loại này, trong đó phải kể tới 6 bộ tiểu thuyết lịch sử của nhà văn quân đội Phùng Văn Khai.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phùng Văn Khai và xu hướng tiểu thuyết đồng nhất với chính sử

Phùng Văn Khai hiện là đại tá - nhà văn quân đội, phó tổng biên tập Tạp chí Văn nghệ Quân đội. Ông từng nhận nhiều giải thưởng văn chương của Bộ Quốc phòng, Hội Nhà văn Việt Nam.

Năm 2015, Phùng Văn Khai ra mắt tiểu thuyết lịch sử *Phùng Vương*, cuốn sách được tái bản năm 2018 nhanh chóng nhận được ủng hộ của độc giả. Chỉ trong 5 năm tiếp theo, tác giả liên tiếp ra mắt 4 bộ tiểu thuyết khác mà cuốn nào cũng ngót nghét 500 trang cho thấy bút lực sung mãn của nhà văn quân đội ở thể loại này: *Nam đế Vạn Xuân* (2020), *Triệu Vương phục quốc* (2020), *Ngô Vương* (2021), *Lý Đào Lang Vương* (2021).

Phùng Văn Khai quả thật táo bạo khi chọn đối tượng tiếp cận tái hiện là lịch sử có độ lùi lịch sử trên cả nghìn năm. Biên chép của *Đại Việt sử ký toàn thư*, gọi thời kỳ này là

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: thuyhoadieuh@gmail.com

“Ngoại kỷ”², mỗi triều đại chỉ hiện diện trong thời gian ngắn và không được ghi chép nhiều, trong các sách thông sử chỉ điểm nhắc mấy dòng ngắn ngủi. Vẫn biết, sức mạnh của tiểu thuyết là hư cấu, song với thể tài lịch sử, không chỉ dùng lịch sử như “cái đỉnh” để “treo” những ý tưởng của người viết. Theo quan niệm của các cây bút đồng nhất quan điểm với chính sử thì “lịch sử” cần được tôn trọng và cần được huy động nhiều nhất có thể. Có thể nhận thấy, tiểu thuyết lịch sử của Phùng Văn Khai đi theo hướng này với mục đích đưa lịch sử gần hơn với độc giả, đồng thời góp phần làm nổi bật vị trí lịch sử và khí phách của các vị vua anh hùng thời kỳ đấu tranh giành quyền độc lập, tự chủ. Tuy nhiên, tác giả sẽ phải đối diện với thách thức không nhỏ, lịch sử đã lùi xa: Tiền Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, Đào Lang Vương, Phùng Vương, Tiền Ngô Vương thời kỳ Tiền - Hậu Lý đến Ngô Vương đã cách xa hiện tại trên một nghìn năm³, dữ liệu lịch sử về các triều đại ấy vô cùng ít ỏi. Để có cơ sở gợi sức tưởng tượng, tác giả sẽ phải dày công tra cứu thông tin ở nhiều nguồn: Việt sử, Bắc sử, dã sử, truyện chí..., thêm nữa, cũng phải tìm hiểu, nghiên cứu nhiều lĩnh vực liên quan, như: địa lý, văn hóa, tôn giáo, phong tục... để đảm bảo độ “tin cậy” của những tình tiết, chi tiết mang tính sử liệu. Có lẽ sức hút của tiểu thuyết lịch sử Phùng Văn Khai đến từ sự chuẩn bị chu đáo của niềm say mê như là duyên “tiền định”. Đọc tiểu thuyết lịch sử của Phùng Văn Khai, người đọc như được trở về với thời của cha ông, được “gặp gỡ” những nhân vật kiệt xuất cùng thời đại của họ trong không gian gần gũi và xúc động.

2.2. Những thành công đáng ghi nhận trong tiểu thuyết lịch sử Phùng Văn Khai

Nếu chỉ ra những đặc điểm cũng là sức hút trong tiểu thuyết lịch sử của Phùng Văn Khai, bài viết ấn tượng với những biểu hiện sau:

Không gian chiến trận được đặt trong không gian đời sống khiến lịch sử hiện lên sống động, hấp dẫn: Đây là điểm gây chú ý nhất khi đọc tiểu thuyết lịch sử của Phùng Văn Khai, cũng là chỗ tác giả thể hiện được nhiều thế mạnh của ngòi bút: sức tưởng tượng mãnh liệt, kiến văn phong phú và khả năng tổ chức, kết cấu cốt truyện hợp lý. Điểm mờ lịch sử vừa là thử thách song cũng là đất dụng võ của tiểu thuyết, vấn đề là bản lĩnh nhà văn. Không gian trong 6 cuốn tiểu thuyết của Phùng Văn Khai gắn với nhiều địa danh, vùng miền. Hơn nữa, tác giả đã “đứng” lại lịch sử ở tính quá trình gắn với không gian thời đại, lịch sử không bị thoát ly khỏi đời sống, ở trong lòng đời sống, thể hiện logic đời sống, điều này đã tạo nên sức lôi cuốn của tác phẩm.

Đất Nam Việt - Giao Châu thời Bắc thuộc là quận huyện của phương Bắc, dưới sự cai quản của các thái thú/ thứ sử. Tuy vậy, dưới các châu quận lại được cắt đặt bởi các hào trưởng của các họ tộc hùng mạnh địa phương. Vì vậy, những cuộc nổi dậy giành quyền độc lập, tự chủ là những cuộc tập hợp sức mạnh liên kết giữa các vùng. Không gian “tự nghĩa” luôn là không gian “mở” với những mối bang giao trên tinh thần huynh đệ, bằng hữu giữa

² Thời Bắc thuộc, An Nam đô hộ phủ là một châu/ quận của Trung Quốc, dưới sự cai quản của các thái thú, thứ sử được cắt cử từ triều đình phương Bắc. Đại Việt sử ký toàn thư gọi thời kỳ này là “Ngoại kỷ”. Thời quân chủ được tính từ Nhà Đinh đến Nhà Hậu Lê (gần 700 năm) gọi là phần “Bản kỷ”.

³ Nhà Tiền - Hậu Lý (544 - 602); Nhà Ngô (939 - 967)

các tộc trưởng, hào trưởng. Những cuộc khởi nghĩa thực sự là những cuộc kháng chiến toàn dân với đúng nghĩa xả thân tự nguyện. Hào kiệt các nơi nghe tin tụ nghĩa cùng với lương thảo, tài vật đặc thù của mỗi vùng. Cuộc khởi nghĩa khởi lên ở Hương Cổ Pháp của Lý Gia tộc thì các “họ Đinh, Cù, Triệu, Bạch, Ma, Vũng, Giàng, Khái...” ở các vùng lân cận đều hưởng ứng; Triệu Quang Phục phục quốc ở căn cứ Dạ Trạch Chu Diên thì các vùng “Câu Lậu, Sài Sơn, Thạch Xá, Đông Sàng, Ân Dương...” cũng rầm rộ hưởng về; Phùng Hưng dựng cờ ở Đường Lâm thì châu mục các vùng, như “Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Tân Hưng, Vũ Định, Lục Hải, Bình Văn, Phong Châu, Ái Châu”, xa như Hoan, Diên cũng sẵn sàng cung cấp quân lương, ngựa voi trợ chiến... Ấy là chưa kể các trận đánh thuở xưa với những cuộc hành binh, dụng binh đặc trưng đã một đi không trở lại, như: lợi dụng địa hình hiểm yếu, vũ khí tự chế một cách thông minh, biến ảo, khai thác tự nhiên vào đánh trận, không gian “bày trận” rất rộng ở mọi vùng miền. Phùng Văn Khai đã tái hiện lại thực tiễn đa dạng ấy bằng bút pháp tả thực hấp dẫn. Những chi tiết, tình tiết cận cảnh được sáng tạo bằng khả năng liên tưởng, tưởng tượng phong phú kết hợp với tri thức từ nhiều lĩnh vực: lịch sử, địa lý, văn hóa... Vì vậy, những khung cảnh xưa, thiên nhiên xưa, cuộc sống, con người xưa của Giao Châu ngàn năm trước hiện ra sống động, gây tò mò, lôi cuốn. Đây, hương Cổ Pháp, thuở dân còn thưa thớt, phải cụm lại trong các trang ấp, nương vào sự bảo vệ, che chở của các hào hán thường là tộc trưởng hùng mạnh: “Dưới chân con đường ngoằn ngoèo dẫn từ bìa rừng Hắc Lâm hướng về hương Cổ Pháp lúc chạng vạng chiều. Sương khói mịt mù ảm đạm bay là trên bờ cây ngọn cỏ càng khiến cảnh vật thêm vẻ thê lương. Trên nền trời xám xịt đang ngày càng ụp xuống sùm sụp, tiếng quạ kêu chiều chờn vờn hoang hoải. Trên khung cảnh ấy, một lũ hành độc bộ như cái chám nhỏ nhấp nhô ẩn hiện trên con đường mờ mịt” [2; tr.5]. Đây, không khí châu Đường Lâm khi suy tôn vị hào trưởng dòng dõi kiệt kiệt họ Phùng: “Sau tuần vui hội, dân vùng Đường Lâm và lân cận ai về làng ấy bắt tay vào công việc nông tang. Mùa xuân lây rây suốt đêm ngày phủ xuống vùng đất bán sơn địa trù mật. Những vạt rừng lúp xúp ẩm ướt ỉ ôi tiếng côn trùng... Vùng Đường Lâm, các vùng thượng, hạ Thanh Lũng, Bình Lũng nối nhau chạy tít đến bên núi Tản, sông Tích, kéo mãi đến thượng ngàn hoa rừng bung nở tràn trề khác hẳn những năm trước...” [1; tr.34]. Một Quý Môn Quan dữ dội đúng như tên gọi: “...biên ải sẵn chiều hoàng hôn bao phủ, mây giăng mịt mù khắp các tầng rừng. Vách đá bốn bề dựng đứng chờn vờn nham nhô như mặt quỷ. Tiếng kêu của chim muông thấy hơi người lạ queng quéc tầng không. Con đường sạn đạo nhỏ như sợi chỉ ngoằn ngoèo hướng lên Quý Môn Quan càng như thắt lại, mỗi khúc quanh tưởng người ngựa phải lách nghiêng mới qua được. Ở những vách đá dựng ngược cheo leo, nhiều thân cây như buông từ tầng không thõng xuống những cánh tay ma quỷ uốn éo dậm dọa mắt người” [3; tr.124]; Cửa biển Bạch Đằng nơi Ngô Quyền chọn làm mồ chôn quân Hoàng Tháo: “Mờ sáng nơi cửa biển Bạch Đằng. Cả một vùng biển mênh mông sương giăng mờ mịt cách vài trăm thước đã khó nhận ra đâu là cửa sông sóng vỗ soàn soạp ần tàng những lùm lau sậy sủ vệt lan ra trong sương đâu là cửa biển sóng trắng nối nhau chạy tít tấp chập chờn trong sương lạnh” [4; tr.193]...

Những trận đánh ở mọi địa hình: đầm lầy, núi cao rừng thẳm, đường độc đạo, thượng đạo, trên sông hay cửa biển, đánh thành hay mật phục... với những vũ khí thời cổ đã được

tác giả tái hiện trong không gian chiến trận. Chẳng hạn, cuộc chiến trên sông giữa quân Vạn Xuân và quân Trần Bá Tiên: “Chiến thuyền Vạn Xuân bắt chập làn đạn đá vắn vun vút lao thẳng vào phía trong nơi ẩn hiện chiếc soái thuyền. Giữa hai làn đạn đá âm âm quật xuống, máu thịt binh tướng hai bên bật tung lên trời rơi lôm bôm khắp mặt biển. Trên những chiến thuyền Vạn Xuân đầu tiên liều chết toan lách vào giữa trận bỗng khựng lại cách mũi hải thuyền chưa đầy một trượng. Những tiếng ục oặc rợn người vang lên từ dưới lòng thuyền đang sôi sục ai nấy đều hốt hoảng nhận ra chiến thuyền đã bị những chiếc cọc gỗ lớn sắc nhọn đâm thủng toang hoác xuyên thẳng vào bên trong khiến nước mặn ủa vào...” [3; tr.84]. Thế mạnh của lực lượng “đặc công nước” mà cha ông sử dụng từ nghìn năm trước cũng được tái hiện lại: “...bóng những dũng sĩ cỡi trần bơi trát khắp mình một loại dầu xanh sẫm màu nước biển. Trước khi biển vào lòng biển, các dũng sĩ uống cạn một bát mắm cá đặc sánh vừa để khí huyết lưu thông vừa chống nhiễm lạnh theo phong tục cổ truyền của dân miền biển” [3; tr.81]; Mẹo mực của đôi phương cũng được miêu tả rất sinh động: “Bọn Dương Sần quả rất cáo già, thiện chiến. Sau trận trước bị phục binh dưới nước, chúng quay sang dùng chiến thuật hắc xà vượt trường giang của bọn mãnh tướng Giang Nam. Chúng không dàn hàng ngang ào ạt tiến nhanh lại dùng đỉnh dùng chiêu đầu nhọn đuôi dài, đội chiến thuyền như con mãng xà khổng lồ khiến quân ta có bốn bề tập kích cũng chỉ đánh đắm được một đội thuyền của chúng. Các thuyền khác sẽ lập tức quay ngang bắn đạn đá vào đội hình quân ta...” [3; tr.168]. Những hình ảnh như thế này thật sự thuyết phục bạn đọc ở tính logic chính xác của chi tiết: “Vừa gác mái chèo để mặc thuyền xuôi theo dòng nước đang rút nhanh, đám người thám sát bèn giờ lương thực đem theo đặt lên mũi thuyền ăn ngấu nghiêng miệng lảm bảm những gì chẳng rõ. Bỗng mấy tên lính vừa ăn vừa cảnh giới trên thuyền ú ớ chỉ tay về phía trước. Cả bọn quăng miếng đang ăn dở nhất loạt đứng lên nhìn về phía trước không khỏi kinh hãi thét lên. Ngay trước mũi thuyền chưa đầy trăm thước, một rừng chông khổng lồ đen ngòm mặt nước nhất tề chìa lên khỏi làn sóng bạc cùng tiếng nước réo ò ò nơi ghềnh đá. Đám thuyền thám sát hoảng loạn với mái chèo toan chèo ngược lại lẩn tránh bãi cọc nhọn đã thấy phía trước, phía sau, hai bên bờ sông, vài chục thuyền nhỏ vun vút lao vào ba đội khinh thuyền. Không kịp trở tay, lại chẳng có cung tên, pháo hiệu, đám thuyền thám sát co cụm rồi phó mặc để nước xiết cuốn vào bãi cọc nhọn lôm khôm bây giờ càng lúc càng nhô cao trên mặt nước...” [4; tr.362]. Những kinh nghiệm đánh trận chỉ có từ ngàn năm trước được lồng vào các tình tiết, như: cách làm com nắm để đi đường xa, cách lấy nước trong thân tre luồng nếu nhớ lạc rừng, lấy bọng ong trong ống bương, huấn luyện trâu tham gia đánh trận, cách trám thuyền để không bao giờ bị rò nước, cảnh bầy voi rừng để phục cho đội tượng binh, những vũ khí tự chế thuở xưa (câu liêm, đinh ba ngạnh, giản hai lưỡi, trùy đeo xích sắt, mã tấu đánh sóng chì, xà mâu chuôi đồng mũi xoắn, chòong sắt cán gỗ lim, búa gỗ bịt sắt, vuốt sắt bọc đồng, roi sắt, bi sắt, bè chuôi, bè tây, cành củi, cỏ khô, tre nứa, cọc gỗ, đạn đá...). Đặc biệt, những cuộc thư hùng, ác đấu một đôi một giữa các mãnh tướng đôi bên cũng được miêu tả công phu, chi tiết khiến sự kiện lịch sử trở nên sống động và lôi cuốn.

Có thể nói, tính logic của tình tiết, chi tiết được tổ chức chặt chẽ, hợp lý nhờ kết hợp thành công giữa chính sử với huyền sử, giữa thực tiễn khách quan và óc tưởng tượng phong

phú, lịch sử đã được tái hiện sinh động và hào hùng. Vì vậy, đọc lịch sử mà cùng lúc được thụ hưởng nhiều khoái cảm: được trải nghiệm cùng lịch sử; được tiếp thêm năng lượng từ niềm tự hào về truyền thống yêu nước, bất khuất của cha ông; được cảm nhận về giá trị của văn chương...

Nhân vật được khắc họa bằng sự kết hợp linh hoạt các bút pháp: Tiểu thuyết lịch sử của Phùng Văn Khai hướng đến xây dựng nhân vật chính là các bậc quân vương anh hùng, song trong chính sử, các tên tuổi này được chạm khắc rất ít, nghĩa là tác giả chỉ được gợi ý từ một vài nhận xét chung về diện mạo và cá tính. Vậy, tác giả đã tìm giải pháp nào cho việc khắc họa chân dung nhân vật trong tiểu thuyết để vừa đáp ứng không xa rời chính sử lại vừa sinh động, hấp dẫn? Câu trả lời được tìm thấy đó là tác giả đã kết hợp nhiều bút pháp: ước lệ tượng trưng kết hợp với sử thi, với huyền ảo và “tả chân” một cách linh hoạt, điệu nghệ. Ước lệ tượng trưng - bút pháp nghệ thuật quen thuộc của văn chương trung đại để khắc họa nhân vật loại hình - kiểu nhân vật gắn với nguyên tắc thẩm mỹ ước lệ của thời đại. Các nhân vật anh hùng trong tiểu thuyết Phùng Văn Khai, như: Lý Bí, Triệu Quang Phục, Phùng Hưng, Đào Lang Vương, Ngô Quyền, Lý Phật Tử... đều là những võ tướng cầm quân với tài thao lược. Thêm nữa, họ đều là những bậc quân vương khởi nghiệp (không do truyền ngôi), nên mang những tố chất hơn người: thông minh, chí lớn, nghị lực, quyết đoán và có khả năng hấp dẫn, quy tụ lòng người. Tựa vào những điểm chung này, tác giả đã phác họa chân dung những bậc quân vương anh hùng với bút pháp ước lệ tượng trưng mà vẫn đậm cá tính. Đây là chàng trai Lý Bí tuổi mới lớn: “Vóc người dong dỏng nhưng rắn chắc, thần thái cởi mở mà trang nghiêm, lại thấy có một cái bớt son khá lớn chính giữa lưng...” [2; tr.125] và hình ảnh của chàng thanh niên: “... có phong thái của đấng quân trường một nước, dáng đi rộng cuồn hồ châu, đôi mắt của bậc hiền minh có thần quang rực rỡ, miệng rộng mà vuông vức, tai lớn mà trang nghiêm, đến như các bậc Thuấn, Vũ bên Tàu cũng chỉ như thế mà thôi” [2; tr.111]. Còn đây, hình ảnh công tử trưởng Phùng Hưng của Phùng gia trang: “Mười mười hai tuổi công tử đã ra dáng một thiếu niên với vóc dáng khỏe mạnh (...). Công tử nai nịt gọn gàng, dáng đi nhanh vững khác thường, đặc biệt là cặp mắt sáng lấp lánh như có thần khí” [2; tr.42]. Còn đây chân dung Lý Phật Tử khi là đô tướng dưới triều Vạn Xuân: “Bổng trong hàng đô tướng, một vị tướng trẻ mình cao trên tám thước, mặt rộng mũi to, cằm vuông tai lớn, cặp mắt sáng như có thần khí ẩn chứa bên trong bước ra cất tiếng sang sảng nói...” [3; tr.196]. “Nhìn tráng sĩ trẻ văn võ tinh thông, dáng người rắn chắc, cặp mắt tinh anh nhưng điềm tĩnh, trong lòng Phùng trại chủ bỗng trào lên một tình cảm khác thường” [1; tr.91].

Cùng với vóc dạc hơn người là sức lực phi phàm: “Con voi đực một ngà đầu đàn cao ngót một trượng các kỵ sĩ thường phải đu dây leo lên mình bạch tượng song Dạ Trạch vương chỉ nhún mình đã tung tấm thân vạm vỡ ngồi gọn ghẽ trên bành voi” [3; tr.365]; “Lời còn chưa dứt, Ngô Quyền đã như bay từ trên bành con voi xuống lưng con bạch long (...) Lý Tri Thuận cả kinh còn chưa kịp mắng lại đã thấy viên tướng Ái Châu nhanh như chớp xẹt vung thương nhằm đầu con hắc long câu đập mạnh xuống...” [4; tr.56]. Sức vóc phi phàm, tài năng quân sự thiên bẩm, các nhân vật anh hùng được ví như những “thần tướng”, “thiên tướng”. Khả năng sử dụng vũ khí của họ vừa có sức hấp dẫn quân binh dưới trướng vừa làm nản lòng quân giặc: “Vương thường dùng bộ cung tên gia truyền của họ Triệu cánh rộng

hơn một sải tay mà những tên quân khỏe nhất cũng không thể kéo nổi. Vậy mà trên lưng con ngựa tía cao lớn phóng như rồng lướt, vương liên tiếp buông cung nhẹ như không. Những mũi tên xé gió nhanh như sao đổi ngôi thoát cái cảm phàm phật xuyên thủng hồng tâm cách đó trên hai trăm thước” [3; tr.365]. “Dẫn đầu đội dũng sĩ là một vị tướng cao lớn oai phong, đôi cánh tay hộ pháp vung đại đao sáng loáng. Cặp đùi bóng như cột đình chạm trở đôi giao long múa vuốt rất uy mãnh tả xung hữu đột chém giết khiến binh lính trên chiếc Bạch kỳ thoảng cái không còn một mống...” [3; tr.297]; “Đoàn Thành nhìn kỹ thấy vị tướng trẻ mặt to tai lớn, khí độ hiên ngang, cặp mắt sáng quắc như sao khiến người khác phải lạnh mình, đây chính là Phạm Bạch Hổ, người mới sinh ra đã có nhiều điềm lạ, mười tuổi đã nổi tiếng võ vật cung kiếm hơn người, lại có biệt tài bơi lặn” [4; tr.74].

Người anh hùng không chỉ được hình dung thông qua bút pháp ước lệ tượng trưng kết hợp với sử thi mà còn kết hợp với bút pháp kỳ ảo. Yếu tố kỳ ảo làm tăng thêm sự “khác thường”, “lạ thường” - một phương diện nhằm làm nổi bật sự phi phàm, hơn người của bậc anh hùng, thủ lĩnh. Chẳng hạn, họ có những dấu hiệu thể hiện “quý tướng”, như: trên người có nốt ruồi son, ánh mắt có thần nhãn, giọng nói sang sảng như chuông, dáng đi cuộn cuộn như hổ, khi sinh ra “trong nhà ngào ngạt hương thơm”... và không chỉ bậc quân vương, các mãnh tướng giúp rập bên cạnh, cánh tay phải của các chủ tướng cũng được khắc họa đầy nội lực như vậy.

Bút pháp ước lệ tượng trưng kết hợp với sử thi và kỳ ảo đã giúp người đọc hình dung hình ảnh các bậc vương quân, võ tướng anh hùng một thời. Mặc dù được khắc họa bằng bút pháp ước lệ, song, người đọc cảm nhận thấy cốt lõi hiện thực, bởi, các chiến binh thua xưa được rèn luyện trong môi trường tự nhiên hoang dã, từ trong môi trường sống đã rất khắc nghiệt. Trong sự chọn lọc tự nhiên ấy, họ nổi bật bởi tố chất “hơn người”. Thêm nữa, nhân vật anh hùng thường được khắc họa chủ yếu trên chiến trường, vì vậy, trong bối cảnh ấy, sức mạnh, tài năng, trí tuệ, khí phách của nhân vật cũng hiển lộ một cách rực rỡ nhất.

Tuy nhiên, chỉ khi được tái hiện ở chiều sâu nội tâm thì chân dung nhân vật mới thực sự sống động và lôi cuốn. Tiểu thuyết lịch sử của Phùng Văn Khai đã làm được điều đó, tác giả đã vượt qua thử thách khi các nhân vật đã có khoảng cách rất xa về thời gian, cũng là khoảng cách vời vợi về không gian sinh hoạt, tập quán, tâm sinh lý. Có thể nhận thấy, tác giả đã dựa vào quy luật chung của tâm lý, cộng với sự hiểu biết khoa học về thể trạng con người để hình dung ra trạng thái, tâm lý nhân vật. Thêm nữa, diễn biến tâm lý luôn gắn với tình huống, hoàn cảnh cụ thể nên sinh động và chân thực. Tác giả đã cho người đọc cảm nhận được chân dung các nhân vật lịch sử một cách thật gần gũi và dễ mến. Chẳng hạn, tác giả tái hiện thần thái nghị lực của cậu bé 10 tuổi vừa xong tang cha đã lại phải đưa tang mẹ: “Lý Bí đứng giữa, đôi chân quần vải trắng đã rịn máu chuyển sang màu hồng choãi ra như cảm hãn xuống đất trước huyết mộ đang lấp đất rào rào. Cậu nhìn thẳng vào lòng huyết mộ rồi nhìn xuyên ra bìa rừng Hắc Lâm rồi nhìn sâu vào giữa rừng cây cối rậm rạp ánh mắt rục lên rất lạ” [2; tr.23]. Đôi chân bé nhỏ đi đưa linh cữu mẹ đã rớm máu nhưng vẫn đứng vững chãi, đôi mắt không chứa đựng thê lương như cậu anh mà ngằm chứa nghị lực, tự tin đối diện với thử thách. Quả như vậy, cậu bé ấy khi trở thành chàng thanh niên tuấn tú, luôn dẫn

đầu các môn võ nhưng vẫn luôn ít nói, khiêm cung, khi trở thành chủ tướng thì vừa bộc lộ tính quyết đoán, tầm nhìn xa trông rộng, vừa có tấm lòng thủy chung, nhân nghĩa. Chỉ một cách ứng xử này, đủ thấy phẩm hạnh của bậc quân vương nhân từ: "...Nay tới ngày giỗ người, sư huynh về cổ tự chủ trì việc dâng hương là đúng lắm. Đệ cũng muốn cùng sư huynh về Cổ Pháp song việc binh còn gấp huynh hãy thay đệ cáo lỗi với người" [2; tr.400]. Khi ấy giám quân Lý Bí đã được tướng sỹ, dân chúng đồng lòng tung hô "vạn tuế", nhưng trong cách ứng xử với quân sư, tướng sỹ, bậc quân vương tương lai ấy vẫn một mực hiếu kính, lễ nghi với các bậc tiền nhân. Còn đây, chân dung Phùng Hưng thời điểm khởi binh mưu việc lớn, nhìn đàn chim bay, vị tướng trẻ ngẫm ngợi về vấn đề có tính cốt lõi của dựng nghiệp: "Đệ thấy không! Sở dĩ đàn chim kia có thể bay được nghìn dặm, vượt qua mọi mưa to gió lớn chính là ở chúng biết bay hợp nhau thành đàn thành đội. Một con chim lẻ chẳng thể vượt núi băng rừng. Một người dù tài giỏi đến đâu cũng không một mình làm thành việc lớn. Trăm nghìn cây cối mới góp lên cánh rừng đại ngàn. Nghìn vạn lạch khe miệt mài góp nước đêm ngày mới trở thành sông dài biển rộng" [1; tr.138]... Có thể nói, tác giả rất dụng tâm, công phu miêu tả nội tâm nhân vật bằng nhiều cách, đặc biệt là qua suy ngẫm nội tâm hoặc qua ngôn ngữ, hành vi, qua đó, tái hiện chân dung tâm hồn, tính cách nhân vật một cách thuyết phục.

Hiệu quả của cấu trúc chương hồi và sự kết hợp thỏa đáng các lớp ngôn từ cổ xưa và hiện đại

Việc sử dụng cấu trúc chương hồi, cách kết cấu cốt truyện đặc trưng của tiểu thuyết trung đại vừa đưa độc giả trở lại với không khí xưa, vừa giúp cho việc tổ chức các sự kiện lịch sử dày đặc, theo đó, độc giả có thể theo dõi diễn tiến của cả một giai đoạn, thậm chí, một thời đại.

Mỗi tiểu thuyết dựng lại một giai đoạn lịch sử, thậm chí cả một vương triều, cho dù chỉ chọn lọc những sự kiện chính cũng rất phong phú và phức tạp. Thêm nữa, xu hướng đồng quan điểm với chính sử nên sức lôi cuốn chính là ở các sự kiện lịch sử, vì vậy, lựa chọn cấu trúc chương hồi sẽ giúp cho việc khai thác được nhiều nhất dung lượng sự kiện, bởi mỗi chương hồi có cấu trúc tương đối độc lập và sẽ giúp tái hiện trọn vẹn các lớp sự kiện. Người đọc được hưởng thụ một cách chi tiết các tình huống lịch sử như nó đang diễn ra.

Để dựng lại không gian xưa, tác giả còn tìm tới một phương diện không thể thiếu, đó là sử dụng hợp lý ngôn ngữ nhân vật. Sử dụng hợp lý lớp ngôn ngữ không chỉ tăng tính chân thật trong tái hiện chân dung nhân vật mà còn tăng hiệu quả thẩm mỹ cho nghệ thuật truyện. Đó là lý do khiến tác giả vận dụng các lớp từ cổ vào ngôn ngữ trần thuật và ngôn ngữ nhân vật. Tuy nhiên, đó là sự vận dụng hợp lý, bởi nếu tham lam vốn từ cổ sẽ làm cho nhịp văn trở nên cồng kềnh, nặng nề, nhưng nếu đơn giản quá cũng sẽ tạo nên hơi văn nhẹ bỗng, thiếu thuyết phục. Thêm nữa, sử dụng ngôn ngữ cổ cũng cần sự chọn lựa tinh tế, không nên dùng lớp từ đã lâu không xuất hiện hoặc đã bị biến nghĩa, dễ làm tối nghĩa câu văn. Có thể thấy, tác giả đã sử dụng thành công lớp từ xung hô giữa các nhân vật, người đọc được dẫn vào không gian xưa một cách tự nhiên, "chứng kiến" sự giao tiếp qua ngôn ngữ của họ mà nhận thấy văn hóa sinh hoạt trong nếp sống, nếp ứng xử của cha ông một thời: cách xung hô với thái độ khiêm cung, nhún nhường: ngu huynh, mỗ, tiểu điệt, điệt tử, đệ, chúng đệ tử, chúng

tiểu tăng, tề xá...; Cách xưng hô thể hiện sự kính trọng: sư phụ, thúc phụ, lão sư bá, lão trưởng, lão nạp, trưởng tràng; đại huynh, bậc chân tu...; Lốp từ quân sự, chiến trận một thời cũng được dùng trong miêu tả để gợi không gian lịch sử: trưởng hổ, quân doanh, trấn nhậm, trị nhậm, hưu chiến (tạm ngưng), phò trợ, phân phó, xuất kỳ bất ý, quán thông đạo pháp, học nghệ, tích cốc phòng cơ, thượng du, hạ bạn...; Nhiều lớp từ khác tái hiện cách diễn đạt của một thời: thi lễ, viễn kiến, hưng dân, phi phạm, đỉnh ngộ, phụ thân, bớ, cấp báo, cả sợ, đùm đậu... Chẳng hạn, như cách diễn đạt này: “Cũng thật may mắn, hương cổ pháp có được người thơm thảo tình nghĩa như trang chủ. Ở đời đạo học như mây, pháp độ của Phật tỏ ngấm sâu vạn vật cũng là phúc lớn của dân chúng. Lão tăng đi chuyến này sẽ sớm về để bàn với trang chủ một việc. Mọi việc trong ngoài hương ấp mong trang chủ hãy chu toàn cho” [2; tr.77]; “Bạch Từ sư phụ! Tổ tông Lý gia đã hàng chục đời an cư lập nghiệp ở đất này. Cũng may mắn được dân chúng quanh vùng đùm đậu mới có được ngày nay.” [2; tr.17]. Đôi lúc, tác giả không ngại dùng kiểu câu biền ngẫu với các vế song song, nhịp nhàng như dẫn dụ, mở ra không gian rộng lớn. Hình ảnh đèo Cổ Họng nghìn năm trước: “...phía trước sương bay gió thổi, rừng rậm cây lớn, đá núi trùng trùng miên man không dứt quả là một quan ải hiểm trở” [3; tr.402].

Có thể nói, vốn từ cổ phong phú được sử dụng hợp lý cũng đã góp phần đưa lịch sử trở lại không gian, thời điểm mà nó thuộc về, lịch sử đã được tái hiện sống động từ nhiều phương diện của thể loại.

Vẫn còn nhiều những yếu tố khác góp phần tạo nên sức hấp dẫn trong những kho tiểu thuyết lịch sử của Phùng Văn Khai mà bài viết này chưa đề cập. Đó là những khoảng trống khoa học chưa thể giải quyết trong một bài viết ngắn.

3. KẾT LUẬN

Trong xu thế các nhà văn hiện nay tìm về kho tư liệu vĩ đại của lịch sử dân tộc để tái hiện lại đời sống lịch sử dân tộc là điều rất đáng hoan nghênh và trân trọng. Phùng Văn Khai - cây bút quân đội cũng đã và đang nỗ lực theo hướng ấy, và dường như đây là sự lựa chọn đúng. Chỉ trong thời gian rất ngắn, dăm năm mà liên tục 6 bộ tiểu thuyết ra mắt mà cuốn nào cũng một mạch văn khoáng đạt, mạch lạc, sự kiện ăm ắp dồi dào. Lịch sử đã được tái hiện trong chiều sâu lý giải: tình yêu quê hương, niềm tự hào dân tộc, giống nòi, truyền thống bất khuất, lòng căm giận tội ác quân xâm lược... Tất cả đã nuôi dưỡng, rèn đúc nên ý chí quật cường, tinh thần đoàn kết, tập hợp trí lực toàn dân cùng đánh đuổi quân xâm lược. Những điều ấy luôn là cội rễ để đất nước vững bền.

“Lịch sử không phải là ngọn lửa đã cháy xong”⁴. Ngọn lửa lịch sử luôn được giữ trong tim những tâm hồn Việt Nam và bất cứ khi nào, ngọn lửa ấy sẽ được khơi dậy, thắp lên theo cách mà mỗi người của dân tộc này muốn.

⁴ Ý trong bài khai mạc Hội thảo khoa học quốc gia của nhà văn quân đội Nguyễn Bình Phương, “Nghiên cứu và giảng dạy văn học về đề tài lịch sử dân tộc” tổ chức tháng 7 năm 2019 tại Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa.

Như vậy, ngoài cách tiếp cận theo con đường của chính sử, lịch sử sẽ có thêm những cách tiếp cận khác, con đường của văn chương, nghệ thuật. Ở Việt Nam, con đường này chưa thật phong quang, rộng rãi, cũng chưa có nhiều những kinh nghiệm được đánh giá, đúc kết. Tuy nhiên, có một sự thật hiển nhiên là tiếp cận lịch sử bằng con đường của văn chương nghệ thuật luôn là cách tiếp cận ngắn nhất, nhanh nhất, bởi đó là con đường đi từ trái tim đến trái tim.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phùng Văn Khai (2018), *Phùng Vương*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [2] Phùng Văn Khai (2020), *Nam Đế Vạn Xuân*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [3] Phùng Văn Khai (2020), *Triệu Vương phục quốc*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [4] Phùng Văn Khai (2021), *Ngô Vương*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [5] Phùng Văn Khai (2021), *Lý Đào Lang Vương*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [6] *Đại Việt sử ký toàn thư* (trọn bộ), Cao Huy Giu (dịch), Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải (2013), Nxb. Thời đại, Hà Nội.

HISTORICAL NOVELS - A WAY TO LEARN HISTORY (THROUGH RESEARCH OF 6 SET OF HISTORICAL NOVELS BY PHUNG VAN KHAI)

Hoa Dieu Thuy

ABSTRACT

Besides reading historical documents, descendent generations can study history through literature. Historical novels may helps readers have a visualization of history. Through the language of the novel, history is expressed in the vivid state of life which makes it become attractive and appealing. Reading and learning history through historical novels is an effective way to bring history to each person not only with reason but also with emotion. By surveying historical novels by Phung Van Khai, the article will affirm and promote this effective approach.

Keywords: *Historical novel, historical study, Phung Van Khai.*

** Ngày nộp bài: 12/10/2021; Ngày gửi phản biện: 20/10/2021; Ngày duyệt đăng: 16/12/2021*